



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

17.12.2025

MARKET INSIGHTS REPORT

THỊ TRƯỜNG TẬP TRUNG VÀO CÁC CỔ PHIẾU VỐN HÓA VỪA VÀ NHỎ

CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS) | BÁO CÁO THỰC HIỆN BỞI TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÂN TÍCH

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	374
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	114
Số cổ phiếu giảm giá	206
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	54

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	199
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	50
Số cổ phiếu giảm giá	97
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	52

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	337
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	145
Số cổ phiếu giảm giá	98
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	94

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	70,162.79	65,007.86	5,154.93
% KL toàn thị trường	11.46%	10.62%	
Giá trị	2,491,131	2,487,791	3,340
% GT toàn thị trường	12.75%	12.74%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,961.50	2,129.37	(167.87)
% KL toàn thị trường	11.46%	10.62%	
Giá trị	50,913	51,930	(1,017)
% GT toàn thị trường	5.53%	5.64%	

UPCOM

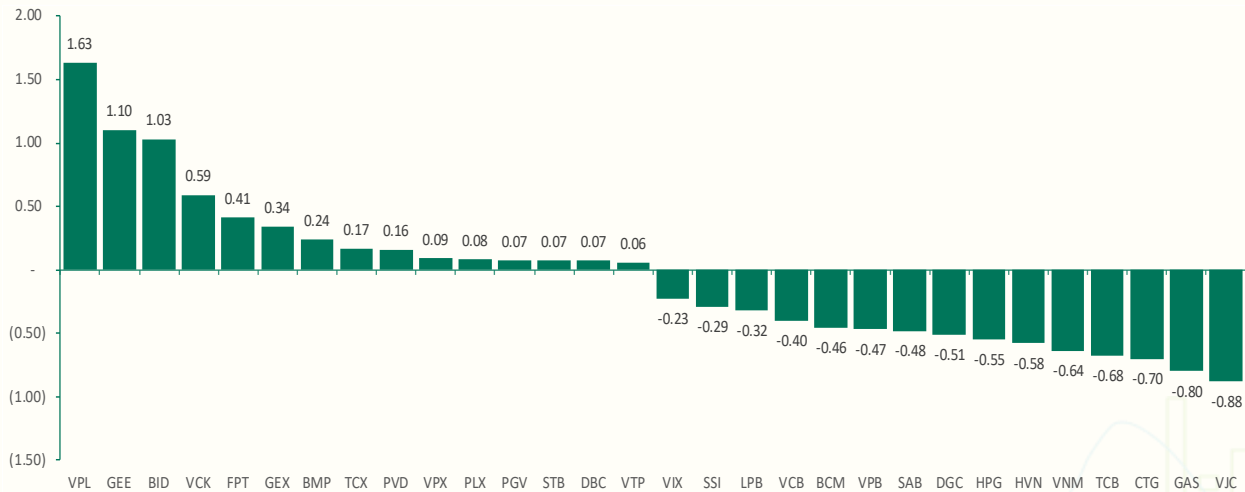
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	445.26	674.87	(229.61)
% KL toàn thị trường	1.22%	1.85%	
Giá trị	18,920	18,300	620
% GT toàn thị trường	2.50%	2.42%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	2,867,800	142,900	0 (0%)	61.20	3.43	2,335	554,520
2	VCB	2,331,200	56,700	-200 (-0.35%)	11.32	2.13	5,008	473,767
3	VHM	3,306,500	94,900	-100 (-0.11%)	15.16	1.66	6,259	389,793
4	BID	4,085,100	38,000	600 (1.6%)	9.77	1.59	3,890	266,812
5	TCB	6,749,600	32,600	-400 (-1.21%)	10.47	1.29	3,113	231,011
6	VPB	6,311,700	28,000	-250 (-0.88%)	10.76	1.39	2,603	222,150
7	HPG	16,546,600	26,400	-300 (-1.12%)	12.24	1.59	2,157	202,632
8	MBB	9,524,600	24,400	-50 (-0.2%)	6.02	1.48	4,051	196,542
9	CTG	10,665,100	34,700	-550 (-1.56%)	5.59	1.10	6,207	186,339
10	FPT	4,967,800	95,900	1,000 (1.05%)	16.02	3.81	5,988	163,366

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	-0.23%	+39.69%	1,600
▼ Tài chính	-0.30%	+22.44%	107
> Tổ chức tín dụng	-0.34%	+21.78%	29
> Dịch vụ tài chính	-0.22%	+31.01%	65
> Bảo hiểm	+0.45%	+22.90%	13
▼ Bất động sản	-0.46%	+148.85%	133
▼ Công nghiệp	+0.06%	+24.62%	401
> Vận tải	-0.08%	+15.30%	117
> Hàng hóa công nghiệp	+2.08%	+43.00%	230
> Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	-0.34%	+43.43%	54
▼ Tiêu dùng thiết yếu	-0.78%	+12.63%	168
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.81%	+13.05%	155
> Thương mại hàng thiết yếu	+0.80%	0%	9
> Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	+0.05%	+4.81%	4
▼ Nguyên vật liệu	-0.66%	+8.20%	284
▼ Tiện ích	-1.06%	+4.47%	153
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	+1.36%	+28.51%	186
> Thương mại hàng không thiết yếu	-0.18%	+22.33%	65
> Dịch vụ tiêu dùng	+4.00%	+12.48%	37
> Thời trang và hàng tiêu dùng	-0.09%	+61.68%	71
> Xe và linh kiện	+0.76%	+0.10%	13
▼ Dịch vụ truyền thông	+1.81%	-29.15%	41
> Dịch vụ viễn thông	+1.85%	-30.81%	18
> Truyền thông và giải trí	+1.15%	+5.81%	23
▼ Năng lượng	+0.40%	-1.52%	53
▼ Công nghệ thông tin	+0.97%	-24.84%	16
> Phần mềm và dịch vụ	+1.07%	-25.90%	9
> Phần cứng và thiết bị	-3.23%	+135.21%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	+0.06%	+8.73%	58
> Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	+0.18%	+13.42%	47
> Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-1.32%	-35.96%	11

Thị trường tập trung vào các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 5.52 điểm (- 0.33%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Dịch vụ tiêu dùng, hàng hóa công nghiệp, dịch vụ viễn thông, truyền thông giải trí, phần mềm dịch vụ, xe và linh kiện, bảo hiểm, năng lượng ... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như VPL, GEX, GEE, VCG, BMP, CTD, C4G, HBC, VGI, FOX, CTR, YEG, FPT, CMG, DRC, TMT, PVI, BMI, PLX, PVD, PVS ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VCG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Opening Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá phục hồi từ hỗ trợ động MA(200) với phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều giữa giá và RSI(14) – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Hơn 2.500 m2 đất tại D9 đường Khuất Duy Tiến vừa được Hà Nội chuyển đổi mục đích cho Vinaconex xây Công trình hỗn hợp văn phòng kết hợp nhà ở gần 650 tỷ đồng là tin tức hỗ trợ cho cổ phiếu;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(ii) BMP tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới và dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 200 – 240;
- ✓ Giá dầu xuống thấp có thể cải thiện mức lãi ròng của BMP;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 57%;

(iii) PVD tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ PVD đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 28 – 32;
- ✓ Việc vận hành thêm hai giàn khoan khiến PVD được kỳ vọng cải thiện lợi nhuận trong năm 2026;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(iv) C4G tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Doji";

- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ C4G đang đi ngang nhưng gần đây khối lượng giao dịch bắt đầu tăng lên – Đây là sự khác biệt ban đầu NĐT cần quan sát cổ phiếu. Một kiểu dạng lượng đi trước giá và một cú Break out sẽ xác nhận mô hình tăng giá về mặt kỹ thuật;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 60%;

(v) YEG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Doji";
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên chưa mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu cản trở đà tăng;
- ✓ Lực mua mạnh đẩy giá YEG tăng từ đáy biên đi ngang lên cận trên của biên đi ngang – Vận động này thay đổi khác biệt so với giai đoạn trước – NĐT nên quan sát giao dịch cổ phiếu này. Kháng cự hiện tại quanh vùng giá 13 và một Break out sẽ xác nhận thay đổi xu hướng;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(2) Tiện ích, vận tải, nguyên vật liệu, bất động sản, tổ chức tín dụng, dịch vụ tài chính ... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như GAS, POW, HDG, REE, HPG, DGC, DPM, DCM, VJC, HVN, GMD, VSC, VHM, KBC, NVL, BCM, PDR, DXG, VCB, TCB, VPB, CTG, LPB, SSI, VND, HCM ... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) DGC giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Doji";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu bị giảm mạnh bởi những thông tin án hình sự tại công ty. DGC là công ty có tiềm lực tài chính mạnh, mọi sự thay đổi sẽ không ảnh hưởng quá lớn dẫn tới sự sụp đổ công ty như những trường hợp đã từng xảy ra nhưng trên nguyên tắc thận trọng NĐT vẫn chưa nên tham gia dò đáy;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(ii) POW giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: "Small Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ POW đã vận hành nhà máy điện khí LNG đầu tiên ở Việt Nam nhưng chúng tôi lưu ý năm đầu vận hành nhà máy có thể lỗ;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: Khả năng VN-Index sẽ đi lên kiểu Sideway Up nhiều hơn ?

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Black Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài mua ròng hơn 4.71 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: HDB, FPT, GEX, TCX, KDH, PVD, MBB, VND, TCB, FRT ... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: VIC, CTG, VHM, MSN, GMD, VCI, VCB, CII, VJC, HVN...Hôm nay, cá nhân nước ngoài và tổ chức trong nước là nhóm mua ròng còn tổ chức nước ngoài, tự doanh, cá nhân trong nước bán ròng.

(ii) VN-Index có một phiên tăng điểm mạnh trong ngày với độ rộng lan tỏa và hầu hết ở nhóm Beta cao. Như chúng tôi đã chia sẻ trong những báo cáo gần đây khi thị trường đi ngang khá lâu mà không có sự đột phá, thông thường sẽ kết thúc bằng những cú rũ rơi mạnh trước khi có thể tăng trở lại. Hình ảnh này cũng tương đối quen thuộc và phiên hôm nay cho thấy sau 2 phiên nằm dưới phiên rũ chỉ số đã tăng điểm trở lại. Như vậy, hiện thị trường vẫn đang vận động như kỳ vọng của đợt rũ hàng tuy nhiên về cơ bản ở chu kỳ hiện tại, khả năng VN-Index vận động theo “Sideway Up” sẽ được đánh giá cao hơn do bối cảnh chung thanh khoản sẽ có xu hướng suy giảm.

Các cổ phiếu tiền vào mạnh: NAF, DHA, PLX...

Các cổ phiếu mua tích lũy: IDC, BID, MSB, MBB...

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 03 mã cho tín hiệu mua, 03 mã cho tín hiệu bán, 24 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã PLX, FPT, SSI...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 40% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch không rõ tăng hay giảm điểm với giá đóng cửa thấp hơn mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 5. Xu hướng giao dịch phân hóa có thể tiếp tục. Hỗ trợ và kháng cự là 1,600 - 1,700 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu VCG



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	544.19	545.05	543.32	NO	547.47	552.49	555.77	560.79	539.17	535.89	530.87	527.59
HNXINDEX	254.05	254.52	253.58	NO	255.49	257.86	259.3	261.67	251.68	250.24	247.87	246.43
UPINDEX	118.66	118.61	118.71	YES	118.99	119.22	119.55	119.78	118.43	118.1	117.87	117.54
VN30	1903.52	1906.31	1900.74	NO	1910.28	1922.6	1929.36	1941.68	1891.2	1884.44	1872.12	1865.36
VNINDEX	1676.23	1677.51	1674.94	YES	1681.38	1689.11	1694.26	1701.99	1668.5	1663.35	1655.62	1650.47
VNXALL	2815.23	2815.56	2814.89	YES	2841.77	2868.99	2895.53	2922.75	2788.01	2761.47	2734.25	2707.71
VN30FIM	1903.17	1905.7	1900.63	NO	1913.33	1928.57	1938.73	1953.97	1887.93	1877.77	1862.53	1852.37
VN30FIQ	1896.3	1898.5	1894.1	NO	1903.2	1914.5	1921.4	1932.7	1885	1878.1	1866.8	1859.9
VN30F2M	1900.8	1902.65	1898.95	YES	1910.9	1924.7	1934.8	1948.6	1887	1876.9	1863.1	1853
VN30F2Q	1895.67	1898.5	1892.83	NO	1901.33	1912.67	1918.33	1929.67	1884.33	1878.67	1867.33	1861.67
BCM	63.47	63.75	63.18	NO	64.13	65.37	66.03	67.27	62.23	61.57	60.33	59.67
ACB	24.02	24.02	24.01	YES	24.13	24.27	24.38	24.52	23.88	23.77	23.63	23.52
BID	37.98	37.97	37.99	YES	38.52	39.03	39.57	40.08	37.47	36.93	36.42	35.88
BVH	53.6	53.7	53.5	NO	54.2	55	55.6	56.4	52.8	52.2	51.4	50.8
CTG	34.87	34.95	34.78	NO	35.38	36.07	36.58	37.27	34.18	33.67	32.98	32.47
GAS	63.53	63.85	63.22	NO	64.17	65.43	66.07	67.33	62.27	61.63	60.37	59.73
GVR	26.38	26.42	26.34	NO	26.57	26.83	27.02	27.28	26.12	25.93	25.67	25.48
FPT	95.53	95.35	95.72	NO	96.67	97.43	98.57	99.33	94.77	93.63	92.87	91.73
HDB	32.12	32.13	32.11	YES	32.53	32.97	33.38	33.82	31.68	31.27	30.83	30.42
LPB	44.03	44.05	44.02	YES	44.77	45.53	46.27	47.03	43.27	42.53	41.77	41.03
HPG	26.5	26.55	26.45	NO	26.6	26.8	26.9	27.1	26.3	26.2	26	25.9
MBB	24.48	24.53	24.44	NO	24.62	24.83	24.97	25.18	24.27	24.13	23.92	23.78
MWG	81.9	81.9	81.9	YES	83	84.1	85.2	86.3	80.8	79.7	78.6	77.5
MSN	74.33	74.5	74.17	NO	74.67	75.33	75.67	76.33	73.67	73.33	72.67	72.33
PLX	34.85	34.95	34.75	NO	35.4	36.15	36.7	37.45	34.1	33.55	32.8	32.25
SAB	50.67	50.95	50.38	NO	51.23	52.37	52.93	54.07	49.53	48.97	47.83	47.27
SSB	17.38	17.35	17.42	NO	17.57	17.68	17.87	17.98	17.27	17.08	16.97	16.78
SHB	15.8	15.85	15.75	NO	15.9	16.1	16.2	16.4	15.6	15.5	15.3	15.2
SSI	29.78	29.85	29.72	NO	29.97	30.28	30.47	30.78	29.47	29.28	28.97	28.78
TCB	32.77	32.85	32.68	NO	32.98	33.37	33.58	33.97	32.38	32.17	31.78	31.57
STB	47.37	47.45	47.28	NO	47.63	48.07	48.33	48.77	46.93	46.67	46.23	45.97
TPB	16.63	16.7	16.57	NO	16.77	17.03	17.17	17.43	16.37	16.23	15.97	15.83
VCB	56.97	57.1	56.83	NO	57.23	57.77	58.03	58.57	56.43	56.17	55.63	55.37
VHM	94.3	94	94.6	NO	95.9	96.9	98.5	99.5	93.3	91.7	90.7	89.1
VIB	17.6	17.6	17.6	YES	17.7	17.8	17.9	18	17.5	17.4	17.3	17.2
VIC	144.1	144.7	143.5	NO	145.6	148.3	149.8	152.5	141.4	139.9	137.2	135.7
VJC	187.27	188.35	186.18	NO	189.43	193.77	195.93	200.27	182.93	180.77	176.43	174.27
VPB	28.03	28.05	28.02	YES	28.27	28.53	28.77	29.03	27.77	27.53	27.27	27.03
VRE	29.82	29.88	29.76	NO	30.68	31.67	32.53	33.52	28.83	27.97	26.98	26.12
VNM	63.3	63.5	63.1	NO	63.7	64.5	64.9	65.7	62.5	62.1	61.3	60.9

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
PVD	20,099,900	6,258,620	321	4.45
DBC	10,725,500	4,954,800	216	2.5
PET	5,838,600	2,260,900	258	5.2
HID	4,319,200	1,084,540	398.25	6.97
PLX	3,253,800	1,581,840	206	0.73
ELC	2,176,800	958,290	227	2.76
OIL	1,696,200	503,090	337.16	0.94
PVC	1,488,000	420,260	354	1.87
LGL	1,208,100	596,230	203	6.95
LAS	999,200	130,970	762.92	-0.63
VTP	764,800	345,400	221	1.91
DDB	685,000	309,400	221	1
PWA	621,900	163,330	381	10.77
VRC	621,600	175,610	354	4.24
VHG	570,500	180,020	316.91	5.26
ITD	465,900	53,250	875	6.98
TTG	440,900	23,320	1,891	-4.76
GCF	349,700	13,250	2,639	0
PAT	320,800	59,600	538	-7.71
MML	304,100	113,250	268.52	4.23
CCC	282,400	23,900	1,182	2.93
KVC	279,900	117,100	239	0
DHA	268,900	131,920	204	4.03
C32	248,800	38,200	651	-6.82
PGC	211,300	21,450	985.08	-0.37
DVN	193,800	45,240	428	3.86
VTB	183,300	53,770	341	6.96
FID	172,900	31,390	551	5.56
SEA	150,000	17,030	881	-34
PGN	115,200	43,100	267	0
VTC	101,200	17,410	581	9.88
VCP	79,300	8,940	887	-2.44
GPC	76,700	34,460	223	4.55
TAB	76,100	-	1.#J	-0.55
TMT	73,700	28,190	261	6.92
VTM	72,800	27,730	263	8
TSB	60,900	2,390	2,548	-10
VGR	50,900	8,870	574	10.77
HU4	41,400	10,820	383	-2.5
DHG	41,200	17,650	233	-0.97

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

- Lưu ý: PVD, DBC...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
8-Dec	FCN	Mua	≤ 17	10% -20%	Mô hình hai đáy với phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều/Mua khi giao dịch chùng xuống
8-Dec	HHV	Mua	≤ 15.5	10% -20%	Sóng 5 tăng giá hình thành với mục tiêu 19
8-Dec	VCG	Mua	≤ 25	10% -20%	Mô hình hai đáy với phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 16/12, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.141 VND/USD, giảm tiếp 03 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.934 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn. Tỷ giá bán giao ngay được niêm yết ở mức 26.348 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.340 VND/USD, tăng tiếp 21 đồng so với phiên 15/12. Tỷ giá trên thị trường tự do giảm mạnh 200 đồng ở chiều mua vào và 180 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 26.900 VND/USD và 27.000 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 16/12, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm mạnh 0,25 – 1,00 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên đầu tuần, giao dịch tại: ON 5,30%; 1W 5,80%; 2W 6,70% và 1M 7,15%. Lãi suất chào bình quân LNH USD giảm 0,01 – 0,03 đpt ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ đi ngang ở kỳ hạn 1W, giao dịch tại: ON 3,69%; 1W 3,75%; 2W 3,80%, 1M 3,88%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giữ nguyên ở các kỳ hạn 3Y và 15Y trong khi tăng ở các kỳ hạn còn lại, chốt phiên với mức: 3Y 3,02%; 5Y 3,23%; 7Y 3,49%; 10Y 3,99%; 15Y 4,06%.
- Nghịệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, phiên 16/12, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng ở mỗi kỳ hạn 7 ngày, 14 ngày và 91 ngày, 5.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày, lãi suất đều ở mức 4,5%. Có 4.310,84 tỷ đồng trúng thầu, trong đó có 3.434,80 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày, 876,04 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, không có khối lượng trúng thầu ở các kỳ hạn 7 ngày và 14 ngày. Có 11.749,93 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, NHNN hút ròng 7.439,09 tỷ đồng từ thị trường trong phiên hôm qua. Có 367.583,85 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, NHNN hút ròng 3.797,83 tỷ đồng từ thị trường trong phiên hôm qua. Có 375.022,94 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

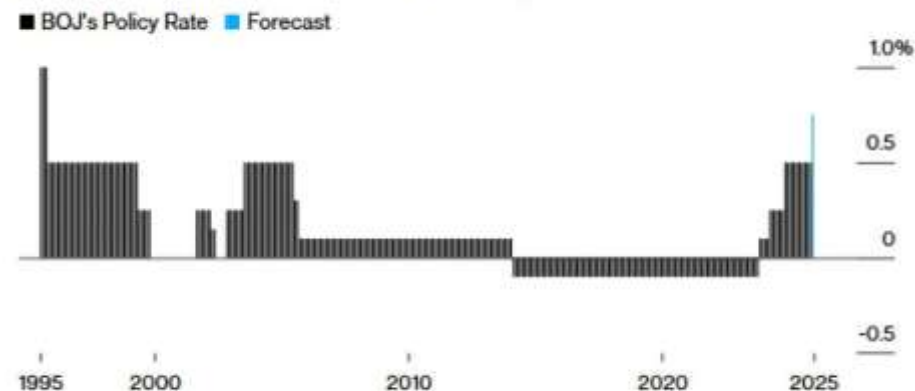
TTCK Mỹ thường điều chỉnh trước 12 tháng khi tới kỳ bầu cử giữa kỳ

Table 1: S&P500 performance before and after US midterm elections**

	Date of midterm election	Largest drawdown in the 12 months before the midterms	S&P500 price performance post midterms (%)		
			3m	6m	12m
1	02/11/1926	-9.4%	3.6%	11.4%	29.3%
2	04/11/1930	-34.8%	-5.4%	-16.0%	-38.6%
3	06/11/1934	-29.3%	0.7%	2.7%	36.9%
4	08/11/1938	-28.9%	-7.7%	-15.2%	-1.8%
5	03/11/1942	-20.3%	10.5%	21.5%	25.3%
6	05/11/1946	-26.6%	2.6%	-4.3%	2.9%
7	07/11/1950	-14.0%	12.2%	15.6%	17.3%
8	02/11/1954	-4.4%	13.8%	19.9%	34.0%
9	04/11/1958	-5.6%	7.5%	11.9%	8.6%
10	06/11/1962	-28.0%	13.6%	19.9%	25.6%
11	08/11/1966	-22.2%	8.2%	16.3%	17.6%
12	03/11/1970	-29.5%	14.5%	23.2%	10.2%
13	05/11/1974	-41.8%	5.1%	18.6%	17.8%
14	07/11/1978	-12.9%	3.5%	6.0%	7.8%
15	02/11/1982	-18.9%	4.0%	18.1%	19.0%
16	04/11/1986	-9.4%	13.6%	20.0%	1.9%
17	06/11/1990	-19.9%	14.9%	21.5%	24.7%
18	08/11/1994	-8.9%	3.3%	12.6%	25.9%
19	03/11/1998	-19.3%	12.4%	19.9%	22.0%
20	05/11/2002	-33.8%	-8.4%	0.5%	14.9%
21	07/11/2006	-7.7%	4.0%	8.9%	6.6%
22	02/11/2010	-16.0%	9.3%	12.9%	2.1%
23	04/11/2014	-7.4%	2.5%	3.8%	4.5%
24	06/11/2018	-10.2%	-1.7%	4.6%	12.0%
25	08/11/2022	-25.4%	6.6%	7.9%	13.6%
Average % return**		-18.2%	5.8%	10.5%	14.8%

BOJ dự kiến sẽ thiết lập mức lãi suất cao nhất kể từ 1995

BOJ's Benchmark Rate Set to Hit Highest Since 1995



Source: BOJ, Bloomberg

TTCK MỸ

Xu hướng điều chỉnh vẫn đang chi phối trong ngắn hạn

TESLA sẽ chạm mốc 600\$?



OXY tiếp tục vận động theo một mô hình tiêu cực



NFLX bật tăng sau chuỗi quá bán



Mô hình hai đỉnh của S&P 500 đang gây áp lực giảm giá ngắn hạn



Kết luận: Dự báo các chỉ số chính sẽ giảm điểm vào phiên giao dịch tối nay.



(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

